

SỞ GD&ĐT LANG SƠN  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO CÔNG KHAI KẾT QUẢ TÀI CHÍNH NĂM 2025**

**1. Các chỉ số đánh giá về tài chính**

| TT | Chỉ số đánh giá                    | Năm báo cáo | Năm trước liền kề năm báo cáo |
|----|------------------------------------|-------------|-------------------------------|
| 1  | Biên độ hoạt động trung bình 3 năm |             |                               |
| 2  | Chỉ số tăng trưởng bền vững        |             |                               |

**2. Kết quả thu chi hoạt động**

| TT         | Chỉ số thống kê                                       | Năm báo cáo           | Năm trước liền kề năm báo cáo |
|------------|-------------------------------------------------------|-----------------------|-------------------------------|
| <b>A</b>   | <b>TỔNG THU HOẠT ĐỘNG</b>                             |                       |                               |
| <b>I</b>   | <b>Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư</b> | <b>42.400.107.000</b> | <b>36.412.307.527</b>         |
| <b>II</b>  | <b>Thu giáo dục và đào tạo</b>                        | <b>7.096.778.000</b>  | <b>7.288.517.400</b>          |
| 1          | Học phí, lệ phí từ người học                          | 3.808.080.000         | 4.088.801.400                 |
| 2          | Hợp đồng, tài trợ từ NSNN                             |                       |                               |
| 3          | Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài                        |                       |                               |
| 4          | Thu khác                                              | 3.288.698.000         | 3.199.716.000                 |
| <b>III</b> | <b>Thu khoa học và công nghệ</b>                      | <b>327.720.000</b>    | <b>168.780.000</b>            |
| 1          | Hợp đồng, tài trợ từ NSNN                             | 327.720.000           | 168.780.000                   |
| 2          | Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài                        |                       |                               |
| 3          | Thu khác                                              |                       |                               |
| <b>IV</b>  | <b>Thu khác (thu nhập ròng)</b>                       |                       |                               |
| <b>B</b>   | <b>TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG</b>                             | <b>46.462.896.000</b> | <b>40.874.129.000</b>         |
| <b>I</b>   | <b>Chi lương, thu nhập</b>                            | <b>31.390.449.000</b> | <b>29.976.699.000</b>         |

|            |                                      |                      |                      |
|------------|--------------------------------------|----------------------|----------------------|
| 1          | Chi lương, thu nhập của giảng viên   | 30.598.737.000       | 29.409.459.000       |
| 2          | Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác  | 791.712.000          | 567.240.000          |
| <b>II</b>  | <b>Chi cơ sở vật chất và dịch vụ</b> | <b>1.852.660.000</b> | <b>2.355.256.000</b> |
| 1          | Chi cho đào tạo                      |                      | 653.625.000          |
| 2          | Chi cho nghiên cứu                   | 327.720.000          | 156.000.000          |
| 3          | Chi cho phát triển đội ngũ           |                      |                      |
| 4          | Chi phí chung và chi khác            | 1.524.940.000        | 1.545.631.000        |
| <b>III</b> | <b>Chi hỗ trợ người học</b>          | <b>7.731.798.000</b> | <b>407.904.000</b>   |
| 1          | Chi học bổng và hỗ trợ học tập       | 7.731.798.000        | 176.000.000          |
| 2          | Chi hoạt động nghiên cứu             |                      |                      |
| 3          | Chi hoạt động khác                   |                      | 231.904.000          |
| <b>IV</b>  | <b>Chi khác</b>                      | <b>5.487.989.000</b> | <b>8.134.270.000</b> |
| <b>C</b>   | <b>CHÊNH LỆCH THU CHI</b>            | <b>3.412.613.000</b> | <b>3.012.696.000</b> |